TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/DS - ST
Ngày 27- 6 - 2017
"V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:Bà**Võ Thị Thanh Thúy**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Lê Thị Thanh Cường**
2. Bà **Doãn Thị Lệ**
- Thư ký phiên toà*:* Bà **Nguyễn Thị Mai Hải –**Thư ký Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai *tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Thanh Trúc** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2016/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2016 về "***Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tiền***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2017và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2017/QĐST - DS ngày 14 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà ***Trần Thị M***, sinh năm 1975
Địa chỉ: 52 đường A, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai
Có mặt.
2.*Bị đơn*: Ông ***Đỗ Hùng K***, sinh năm 1961
Địa chỉ: 428 đường B, tổ 8, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
Vắng mặt.
3.*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông ***Nguyễn Ngọc N***, sinh năm 1966
Địa chỉ: 52 đường A, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2016, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:

Ông Đỗ Hùng K có vay tiền của vợ chồng bà nhiều lần, cụ thể:

-Ngày 22/02/2012 ông Đỗ Hùng K vay số tiền 40.000.000đ

- Ngày 17/4/2012 ông Đỗ Hùng K vay số tiền 900.000.000đ

- Ngày 19/4/2014 ông Đỗ Hùng K vay số tiền 70.000.000đ

Tổng cộng ông Đỗ Hùng K vay số tiền ***1.010.000.000đ (Một tỷ không trăm mười triệu đồng)***. Trước đây tại bản tự khai ngày 24/10/2016 bà trình bày ông Đỗ Hùng K vay vợ chồng bà tổng cộng số tiền là 1.110.000.000đồng là do bà nhầm lẫn. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì bà rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ 900.000.000đ của giấy nợ ngày 17/4/2012 còn khoản nợ 110.000.000đ theo 02 giấy nợ ngày 22/02/2012 và 19/4/2014 bà yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết.

Các khoản vay ngày 22/02/2012, ngày 19/4/2014, ông Đỗ Hùng K đều viết giấy biên nhận vay tiền và giấy vay tiền; riêng với khoản vay ngày 19/4/2014 ông Đỗ Hùng K cam kết thời hạn trả nợ trong vòng 01 tháng. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông K thanh toán dứt điểm nợ nhưng ông không thực hiện. Đây là khoản nợ ông Đỗ Hùng K vay riêng bà không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Ngọc N.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết buộc ông Đỗ Hùng K phải thanh toán cho bà số tiền ***110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng)***và bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần lãi.

Tại phiên tòa ông Đỗ Hùng K vắng mặt nhưng theo bản tự khai ngày 29/11/2016 thể hiện:

Ngày 22/02/2012 ông có vay của bà Trần Thị M số tiền 40.000.000đ và có viết giấy biên nhận vay tiền.Sau đó ngày 17/4/2012, ông có ghi giấy nợ 900.000.000đ, số tiền này ông nhận chuyển để làm công trình cùng với ông Nguyễn Ngọc N – chồng của bà Minh chứ không phải vay để làm việc riêng các nhân của gia đình ông.Sau đó ngày 19/4/2014, ông có vay của bà Trần Thị M tiếp số tiền 70.000.000đ nữa và có viết giấy vay tiền. Nay ông Đỗ Hùng K chỉ công nhận nợ bà Trần Thị M số tiền ***110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng)***, các khoản vay này đều không có lãi nên ông không chấp nhận tính lãi và cam kết sẽ thanh toán trong vòng 30 ngày. Đối với số tiền 900.000.000đ đã giao ông Nguyễn Ngọc N thanh toán tiền công trình, ông Nguyễn Ngọc N có trách nhiệm thanh toán còn ông không chấp nhận thanh toán số tiền này.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Ngọc N vắng mặt nhưng theo bản tự khai ngày 02/12/2016 thể hiện:

Ông không nhận số tiền 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng) của ông Đỗ Hùng K để đi giao công trình nào cả.Việc ông Đỗ Hùng K trình bày như vậy là sai sự thật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Riêng thời hạn xét xử Tòa án nhân dân thành phố P đã vi phạm. Nguyên đơn bà Trần Thị M chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn ông Đỗ Hùng K, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc N việc chấp hànhtheo quy định của pháp luật tố tụng chưa bảo đảm. Yêu cầu thay đổi quan hệ tranh chấp từ "*Tranh chấp Hợp đồng vay tiền*" sang "*Kiện đòi tài sản*" do đã quá thời hiệu khởi kiện.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M và buộc ông Đỗ Hùng K chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Trần Thị M cho ông Đỗ Hùng K vay tiền 02 lần với tổng số tiền là 110.000.000đồng, bà Minh đã nhiều lần yêu cầu ông K trả tiền nhưng ông K không thực hiện buộc bà M khởi kiện.

Đây là tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Tại Điều 688 thời hiệu khởi kiện sẽ được áp dụng theo qui định của Bộ luật Dân sự năm 2015, ông Đỗ Hùng K đã thừa nhận nợ nên thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại theo điểm a khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015 và trong quá trình giải quyết các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến vấn đề thời hiệu khởi kiện. Xuất phát từ việc ông Đỗ Hùng K vay tiền của bà Trần Thị M theo 02 Giấy biên nhận vay tiền ngày 22/02/2012 và Giấy vay tiền ngày 19/4/2014 nên quan hệ tranh chấp trong trường hợp này vẫn là "*Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tiền*".

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Đỗ Hùng K và ông Nguyễn Ngọc N tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông K và ông N vắng mặt không có lý do vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt ông Đỗ Hùng K và ông Nguyễn Ngọc N.

Ngày 24/3/2017 bà Trần Thị M có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ 900.000.000đ, Tòa án nhân dân thành phố P đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 39/2017/QĐST – DS ngày 24/3/2017 nên Hội đồng xét xử không đề cập đến khoản nợ 900.000.000đ theo Giấy nợ ngày 17/4/2012.

Theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 22/02/2012, ông Đỗ Hùng K vay của bà Trần Thị M số tiền 40.000.000 đồng và Giấy vay tiền ngày 19/4/2014, ông Đỗ Hùng K vay của bà Trần Thị M số tiền 70.000.000 đồng, tổng cộng 110.000.000đ (Một trăm mười nghìn) đồng. Giấy biên nhận vay tiền và Giấy vay tiền nói trên được lập trên cơ sở tự nguyện, đối tượng giao kết phù hợp quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.Ông Đỗ Hùng K thừa nhận nợ bà Trần Thị M số tiền 110.000.000đ nhưng không chấp nhận tính lãi. Tại phiên tòa, bà Trần Thị M yêu cầu ông Đỗ Hùng K thanh toán số nợ 110.000.000đ cho bà vì đây là khoản tiền bà cho ông Đỗ Hùng K vay riêng không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Ngọc N vàkhông yêu cầu tính lãi.

Từ đó có căn cứ xác định ông Đỗ Hùng K vay của bà Trần Thị M số tiền 110.000.000(Một trăm mười triệu) đồng, ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng nên cần buộc ông Đỗ Hùng K trả cho bà Trần Thị M số tiền 110.000.000(Một trăm mười triệu) đồng.

Bà Trần Thị M không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Do yêu cầu của bà Trần Thị M được chấp nhận nên ông Đỗ Hùng K phải chịu án phí đối với nghĩa vụ ông phải thực hiện là 110.000.000đ x 5% = 5.500.000đ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 157, điểm c, d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 4, 5; khoản 12 Điều 25; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 97, Điều 100, Điều 184, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015và Điều 36 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M về việc yêu cầu ông Đỗ Hùng K thanh toán tiền nợ 110.000.000đ.

Buộc ông Đỗ Hùng K trả cho bà Trần Thị M 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)

cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Ông Đỗ Hùng K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.500.000 (Năm triệu năm trăm nghìn) đồng

Bà Trần Thị M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.650.000 (Hai mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0003470 ngày 24/10/2016 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố P.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trần Thị M có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng ông Đỗ Hùng K và ông Nguyễn Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy dịnh tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự thành phố P;
-Các đương sự
-Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thị Thanh Thúy